TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HS-PT-CTN
Ngày: 30-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoàng Vũ

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thuý và bà Đinh Thị Thu Hằng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Ngô Hồng Đỉnh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (cơ sở B) xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 49/2025/TLPT-HS-CTN ngày 10 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H, Giang Công M; do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 – An Giang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Phước N (có tên gọi khác là H1, 2 Tỷ), sinh ngày 10/10/1997; nơi sinh: tỉnh An Giang; số Căn cước công dân: 089097014854; nơi cư trú: khóm A, xã H, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật Giáo; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Đỗ Văn N2 và bà Đặng Thị H2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/11/2024 đến nay, tại Phân trại tạm giam khu vực T (Nay là P trại tạm giam A - Cơ sở 2); (có mặt).

2. Lưu Phước L, sinh ngày 01/02/2000; Nơi sinh: tỉnh An Giang; số Căn cước công dân: 089200009969; nơi cư trú: Ấp A, xã H, tỉnh An Giang;giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Lưu Văn N3; mẹ: Nguyễn Thị Lệ T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 14/11/2024 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh A; (có mặt).

3. Nguyễn Út C, sinh ngày 19/4/2000; Nơi sinh: tỉnh An Giang; số Căn cước công dân: 089200001225; nơi cư trú: Ấp A, xã H, tỉnh An Giang; giới tính:

nam; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Nguyễn Văn B, mẹ: Phạm Thị A; bị cáo có vợ Cao Huỳnh N4 và 01 người con sinh năm: 2023; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 16/11/2024 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh A; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Mai Ngọc T1 – Luật sư Văn phòng L3 - Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Khóm L, xã C, tỉnh An Giang; (có mặt).

4. Huỳnh Văn Đ, sinh ngày: 05/9/2007 (khi phạm tội 17 tuổi 02 tháng 08 ngày); Nơi sinh: tỉnh An Giang; số Căn cước công dân: 089207021685; nơi cư trú: ấp T, xã H, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 09/12 (hiện đang học lớp 11); nghề nghiệp: học sinh; cha: Huỳnh Văn T2; mẹ: Nguyễn Thị Bích T3; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2024 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đ:

+ Ông Phạm Minh T4 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T14, tinh A2; (có mặt)

+ Ông Mai Ngọc T1 – Luật sư Văn phòng L3 – Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: khóm L, xã C, tỉnh An Giang; (có mặt).

5. Trần Hữu N1, sinh ngày: 26/10/2007 (khi phạm tội 17 tuổi 18 ngày); Nơi sinh: tỉnh An Giang; số căn cước công dân: 089207018526; nơi cư trú: ấp B, xã C, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Trần Hữu P1; mẹ: Nguyễn Thị H3; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2024 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo N1: Ông Hà Quang V – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T14, tỉnh An Giang. (có mặt)

6. Trần Minh K, sinh ngày 07/8/2008 (khi phạm tội 16 tuổi 03 tháng 06 ngày); Nơi sinh: tỉnh An Giang; số Căn cước công dân: 089208001919; nơi cư trú: ấp B, xã C, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: làm thuê; cha: Trần Văn H4; mẹ: Võ Thị Thùy T5; bị cáo chưa có vợ con. tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/6/2025 đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K:

+ Ông Trần Văn H4, sinh năm 1977, là cha của bị cáo (vắng mặt);

+ Bà Võ Thị Thùy T5, sinh năm 1982, là mẹ của bị cáo (có mặt);

Cùng nơi cư trú tại: Ấp B, xã C, tỉnh An Giang;.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh K: Ông Lương Minh H5 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T14 - An Giang; (Có mặt)

7. Trần Huy H, sinh ngày 25/9/2008 (khi phạm tội 16 tuổi 01 tháng 19 ngày); Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; số Căn cước công dân: 087208016505; nơi cư trú: ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha: Trần Văn M1; mẹ: Lê Thị Ngọc L1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/6/2025 đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo H:

+ Ông Trần Văn M1, sinh năm 1983, là cha của bị cáo (vắng mặt);

+ Bà Lê Thị Ngọc L1, sinh năm 1981, là mẹ của bị cáo (có mặt)

Cùng nơi cư trú tại: ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Huy H: Ông Lương Minh H5 Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T14 - An Giang; (Có mặt)

8. Giang Công M, sinh ngày 04/4/2003**;** Nơi sinh: Tỉnh Đồng Tháp; số Căn cước công dân: 087203010215; nơi cư trú: ấp B, xã C, tỉnh An Giang; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: mua bán; cha: Giang Công T6; mẹ: Trần Thị Bích N5; tiền án, tiền sự: không; bị cáo có vợ Lê Thất T7; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 03/7/2025 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh A; (có mặt).

Bị hại:

+ Lê Quang M2, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang; (vắng măt)

+ Nguyễn Thanh N6, sinh năm 2007; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang; (vắng mặt)

(*Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước, khoảng 11 giờ ngày 13/11/2024, Trần Hữu N1 vừa học xong tại Trường T15 chi nhánh tại thị trấn M (nay là xã L, tỉnh An Giang) thì bị Ngô Văn Vĩ K1, Nguyễn Hữu T8, Nguyễn Kha M3 xịt hơi cai vào mặt rồi dùng tay đánh nhưng N1 bỏ chạy thoát, không bị thương tích. Sau đó, N1 đến quán cà phê M4 thuộc ấp K, thị trấn H (nay là xã H, tỉnh An Giang) điện thoại cho Huỳnh Văn Đ, Phạm Phúc N7, Trần Minh K kể lại sự việc bị đánh rồi rủ đánh lại trả thù, thì Đ, N7, K đồng ý. Khi tới quán cà phê, Đ tiếp tục điện thoại rủ thêm Trần Huy H, Lê Thành L2; Phúc Nhơn điện thoại rủ Hồ Hoàng T9; Lượm điện thoại rủ Nguyễn Nhựt H6, Nguyễn Minh T10, S mập, H7 mực (chưa rõ họ tên, địa chỉ cụ thể); Nhựt H6 điện thoại rủ Mai Nguyễn Khánh Đ1; S mập rủ Nguyễn Hữu K2; T10 điện thoại rủ Giang Công M, Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Mai Văn P2; P2 đến nhà rủ Nguyễn Út C đi đánh nhau, thì cả nhóm cùng đồng ý.

Do L2 biết Dĩ K3 thường đi cùng với Lê Quang M2 (Minh T11) nên L2 điện thoại hẹn gặp M2 tại quán S2, thị trấn M (nay là xã L, tỉnh An Giang), thì M2 đồng ý, L2 thông tin cho cả nhóm để cùng nhau đến quán S2 nhằm mục đích đánh nhóm M2, Dĩ K3 trả thù cho N1. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, cả nhóm N1 đến khu vực quán S2 thấy M2 đang ngồi uống nước cùng Dĩ K3, Kha M3, H, Đào Văn H8, Mai Lộc Đ2, Đoàn Hoàng N8 và Lâm Các P3 (vợ M3); lúc này N cầm dao tự chế chém 01 cái trúng vào lưng của M3, những người có mặt trong quán hoảng sợ bỏ chạy theo nhiều hướng; M3 bỏ chạy thì bị P2 dùng dao tự chế chém 02 cái trúng vai phải, cánh tay phải của M3; Ú Còn dùng tay, chân đánh vào người M3; L dùng chân đá trúng M3, dùng dao tự chế chém nhưng không trúng; Phúc N7 cầm gậy ba khúc, Văn Đ cầm dao tự chế, N1, L2 cầm nón bảo hiểm, H6, K2, Đ1, T9, K3, H, S, H7 không cầm hung khí, chạy đuổi theo nhóm người của M3 mục đích để đánh nhau nhưng chưa gây thương tích cho ai. Cùng lúc này, Nguyễn Thanh N6 đang ở quán S2 uống nước cùng Phương Ngọc Minh U, Nguyễn Văn Đ3, không liên quan đến nhóm M3, vì thấy có nhiều người cầm dao tự chế, sợ bị chém nên bỏ chạy nhưng bị vấp ngã nên bị nhiều người trong nhóm N1 đánh gây thương tích. Riêng, T10, M3 cũng chạy đến quán S1 để đánh nhau thì thấy nhóm N1 chạy về. Sau khi sự việc xảy ra, M3, N6 được người dân đưa đi cấp cứu, Trần Nhựt T12 (chủ quán Sala), Phạm Trung B1, Bùi Quốc A1, Đoàn Thị Minh T13 (nhân viên của quán) chứng kiến việc nhóm N1 đi trên nhiều xe mô tô dùng nhiều hung khí, rượt đuổi, gây thương tích cho M3, N6, gây náo loạn nơi đây và gây nên tâm lý hoang mang, lo sợ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Tại Công văn số 429/CV-UBND ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn M (nay là Ủy ban nhân dân xã L), tỉnh An Giang: Vụ việc xảy ra ngày 13/11/2024, tại khóm S2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang liên quan đến

nhiều đối tượng đánh nhau dùng hung khí, có nhiều người tập trung đông, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn thị trấn M.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 767/24/KLTTCT-TTPY ngày 22/11/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, đối với Lê Quang M2:

+ Các kết quả chính: Sưng nề vùng đính trái hiện tại không để lại thương tích. Tỷ lệ là 00% (không phần trăm). Do vật tày gây nên. Sẹo vùng vai phải, kích thước (1.3 x 0.2 cm), sẹo lồi, hồng, bờ sắc. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Do vật sắc gây nên. Sẹo vùng lưng phải, kích thước (3.5 x 0.2) cm, sẹo lồi, hồng, bờ sắc. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Do vật sắc gây nên. Sẹo mặt sau khuỷu tay phải, kích thước (08 x 0.1) cm, bở sắc, tỷ lệ là 02% (không hai phần trăm). Gây: Đứt gân cơ tam đầu, rách bao khớp khuỷu. Tỷ lệ là 06% (không sáu phần trăm); Gãy vát võ lồi cầu ngoài xương cánh tay phải. Tỷ lệ là 02% (không hai phần trăm); Gãy vát vỡ xương trụ phải. Tỷ lệ là 02% (không hai phần trăm). Đã phẫu thuật khâu nối gân cơ, khâu bao khớp và lấy bỏ mảnh xương gãy. Sẹo mổ đứng dọc đầu trên mặt sau 1/3 dưới cánh tay phải, kích thước (03 x 0.1) cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Sẹo mổ đầu dưới mặt sau 1/3 trên cẳng tay phải, kích thước (2.5 x 0.1) cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Hiện tại còn làm yếu cánh tay mức độ ít. Tỷ lệ là 13% (mười ba phần trăm). Do vật sắc gây nên.

+ Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Lê Quang M2, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 15%.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 766/24/KLTTCT-TTPY ngày 22/11/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, đối với Nguyễn Thanh N6:

+ Các kết quả chính: Sẹo bả vai phải, kích thước (4.5 x 0.2) cm, seo lồi lõm, hồng, bờ sắc. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Sẹo mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay phải, nằm xiên, kích thước (2.6 x 0.3) cm, sẹo lồi lõm, hồng, bờ sắc. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Sẹo mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay phải, nằm xiên, kích thước (2.2 x 0.3) cm, sẹo lồi lõm, hồng, bờ sắc. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Vết thương chưa liền sẹo mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái, nằm xiên, kích thước (08 x 0.4) cm, bờ sắc. Tỷ lệ là 02% (không hai phần trăm). 02 (hai) vết sây sát da mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái: Vết 01 nằm xiên, để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (1.3 x 0.1) cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

Vết 02 đứng dọc, để lại sẹo, kích thước (1.5 x 0.1) cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

+ Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Nguyễn Thanh N6, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 07%. Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên do vật sắc gây nên.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang tuyên bố các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H phạm tội "Cố ý gây thương tích"và tội "Gây rối trật tự công cộng"; bị cáo Giang Công M phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đỗ Phước N 03 (ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đỗ Phước N phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/11/2024).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Lưu Phước L 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lưu Phước L phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/11/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Út C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Út C phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/11/2024).

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 103 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu N1 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Hữu N1 phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh K 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh K phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Huy H 01 (một) năm 08 (tám)tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Huy H9 phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt đi chấp hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Giang Công M 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (03/7/2025).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tính án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/09/2025 bị cáo Huỳnh Văn Đ kháng cáo với nội dụng xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 01/10/2025 bị cáo Trần Văn K4 kháng cáo, với nội dụng xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 01/10/2025 bị cáo Trần Hữu N1 kháng cáo với nội dụng xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo;

Ngày 01/10/2025 bị cáo Nguyễn Út C kháng cáo, với nội dung yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 01/10/2025 bị cáo Giang Công M kháng cáo với nội dung yêu cầu

giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 01/10/2025 bị cáo Lưu Phước L kháng cáo với nội dung yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 02/10/2025 bị cáo Trần Huy H kháng cáo với nội dung yêu cầu giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 02/10/2025 bị cáo Đỗ Phước N với nội dung yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, riêng bị cáo H bổ sung thêm yêu cầu được hưởng án treo. Các bị cáo khai nhận tại phiên tòa phúc thẩm giống như đã khai tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và các bị cáo Đ, N1, K4, H xin được hưởng án treo do các bị cáo đã ăn năn, hối hận về hành vi của mình, các bị cáo Đ, N1, K4, H khi phạm tội là người chưa chưa đủ 18 tuổi nên chưa nhận thức đúng đắn về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; Bị cáo Út C bồi thường thêm cho bị hại N6 10 triệu đồng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo Đ bồi thường thêm cho bị hại N6 10 triệu đồng và bị hại N6 xin giảm nhẹ cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo tiếp tục đi học; bị cáo Công M bồi thường thêm cho bị hại Quang M2 5 triệu, bị hại M2 xin giảm nhẹ cho bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; các bị cáo Trần Minh K, Trần Hữu N1, Huỳnh Văn Đ, Trần Huy H khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng các quy định tại Điều 79, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên là thiếu sót. Riêng bị cáo Nguyễn Út C sau khi xét xử phúc thẩm đã bồi thường thêm cho bị hại Lê Quang M2 số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn Thanh N6 số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo Huỳnh Văn Đ bồi thường thêm cho bị hại Nguyễn Thanh N6 số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo Giang Công M bồi thường cho bị hại Lê Quang M2 số tiền 5.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh K, Trần Hữu N1, Huỳnh Văn Đ, Trần Huy H, Nguyễn Út C, Giang Công M.

Đối với các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp chứng cứ mới, cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh, mức hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên đề xuất không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh K, Trần Hữu N1, Huỳnh Văn Đ, Trần Huy H, Nguyễn Út C, Giang Công M; Không

chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L. Sửa bản án sơ thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 79, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu N1 01 năm 06 tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 năm 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Hữu N1 phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 năm 09 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 01 năm 02 (hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 năm 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị sáo Huỳnh Văn Đ phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 năm 05 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Minh K 01 năm 02 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh K phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 năm 02 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ bắt đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Huy H 01 năm 02 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Huy H9 phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 năm 02 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Út C 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Út C phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 04 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Phước N 03 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 năm 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Đỗ Phước N phải chấp hành hình pht tù của các tội là 05 năm 03 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lưu Phước L 02 năm 09 tháng tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 năm 03 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lưu Phước L phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giang Công M 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Người bào chữa cho bị cáo Đ có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Đ. Bị cáo có nhân thân tốt, là người chưa thành niên khi phạm tội, phạm tội lần đầu và hiện đang học Đại học, do đó kính mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng

Điều 54 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự xử bị cáo 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" và 01 năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" và cho bị cáo Đường được hưởng án treo để tiếp tục con đường học vấn.

Người bào chữa cho bị cáo N1 có ý kiến: Thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát trong việc áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo N1, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo N1. Ngoài ra, đề nghị HĐXX xem xét nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bị cáo N1 bị xịt hơi cay trước đó nên dẫn đến đánh nhau, gây mất trật tự công cộng. Bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo, vì thế kính mong HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo N1, cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách để làm lại con người mới có ích cho gia đình, xã hội.

Người bào chữa cho các bị cáo K và bị cáo H9 có ý kiến: Đề nghị HĐXX áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên đối với các bị cáo. Các bị cáo còn nhỏ, chưa nhận thức đúng đắn về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Ngoài ra, các bị cáo có người thân, là ông bà, là người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách.

Người bào chữa cho bị cáo C và bị cáo Đ có ý kiến:

+ Đối với bị cáo C là người có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vừa ly thân vợ và có con nhỏ cần được chăm sóc, mẹ bị cáo là người lớn tuổi hiện đang bệnh, bị cáo là trụ cột chính trong gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát giảm mức hình phạt đối với bị cáo C.

+ Đối với bị cáo Đ, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách đủ sức răng đe đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H, Giang Công M làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên toà, các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H, Giang Công M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/11/2024 tại khu vực quán S2 thuộc khóm T, xã L, tỉnh An Giang, các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H, Giang Công M đã tập hợp thành nhóm đông người, cùng với những người khác sử dụng các hung khí nguy hiểm có tính sát thương cao như là: Dao tự chế, gậy ba khúc, nón bảo hiểm xông vào quán, dùng hung khí để tấn công người khác và rượt đuổi, la hét làm náo loạn trong khu vực và hậu quả là đã chém gây thương tích cho các bị hại Lê Quang M2 với tỷ lệ thương tật là 15% và Nguyễn Thanh N6 với tỷ lệ thương tật là 07%. Khi các bị cáo rượt đuổi, chém bị hại thì trong quán cà phê lúc đó có nhiều người dân, gây náo loạn và tạo thành tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét thấy, các bị cáo khi thực hiện hành vi gây thương tích và gây rối trật tự công cộng, đều đã đủ 16 tuổi trở lên (riêng đối với các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H chưa dủ 18 tuổi), đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo biết rõ hành vi tụ tập đông người, rượt đuổi, đánh nhau tại nơi công cộng gây mất trật tự xã hội và sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, đến trật tự an toàn xã hội được Pháp Luật bảo vệ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H phạm tội "Cố ý gây thương tích"và tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Bị cáo Giang Công M phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng; các bị cáo sử dụng nhiều hung khí có tính sát thương cao; nhiều người gây thương tích cho ít người, thực hiện hành vi một cách nhanh chóng, quyết liệt, tại khu vực công cộng, xâm

phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự và an toàn xã hội, nhất là trong tình hình địa bàn khu vực xã H và lân cận có nhiều vụ thanh, thiếu niên tụ tập thành nhóm, điều khiển xe mô tô phóng nhanh trên đường giao thông, mang theo và sử dụng hung khí nguy hiểm tấn công, đánh nhau, gây mất trật tự, an ninh tạo ra tâm lý bất ổn, hoang mang, lo sợ, mất an toàn cho người dân sống trong khu vực. Uỷ ban nhân dân khu vực cũng có Công văn yêu cầu xử lý nghiêm đối với các trường hợp trên, Do đó việc có mức án nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của pháp luật; tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, xem xét áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội và phân hoá vai trò của các bị cáo trong vụ án là phù hợp; Tuy nhiên, đối với các bị cáo là người chưa thành niên cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định về người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại BLHS mà không áp dụng các điều khoản có lợi hơn cho các bị cáo chưa thành niên theo quy định tại Khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên khi quyết định hình phạt là chưa đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nội dung này.

[7] Xét kháng cáo của các bị cáo; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7.1] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Phước N, bị cáo Lưu Phước L: xét thấy các bị cáo là người thành niên; các bị cáo không phải là người liên quan trực tiếp đến mâu thuẫn giữa các bên, nhưng sau khi nghe rủ rê đánh nhau, các bị cáo đồng ý tham gia và mang theo hung khí để đi đánh nhau. Khi đến quán S2 các bị cáo là người xông vào đầu tiên và sử dụng hung khí đã chuẩn bị từ trước gây thương tích cho N6 và M. Điều này thể hiện tích hung hăn và quyết liệt trong hành vi gây thương tích cho các bị hại. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định hình phạt tù với mức án như Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để HĐXX xem xét, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo N và L phù hợp với đề nghị của đại diện VKS.

[7.2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C: xét thấy, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo C đã chủ động bồi thường thêm cho bị hại Nghĩa là 10.000.000 đồng; bị hại M và bị hại N6 tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phát sinh tại cấp phúc thẩm. Vì thế, HĐXX chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[7.3] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Đ: xét thấy, khi phạm tội bị cáo chỉ vừa qua 17 tuổi chưa đủ 18 tuổi, bị cáo là người rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh nhau, khi đi đánh nhau bị cáo là người mang theo dao là hung khí nguy hiểm. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định về người chưa thành niên phạm tội trong BLHS đối với bị cáo Đ mà không áp dụng các quy định của Luật tư pháp người chưa thành niên là chưa phù hợp, gây bất lợi cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo bồi thường thêm cho bị hại N6 10.000.000 đồng, bị hại N6 có đơn xin giảm án cho bị cáo. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, không chấp nhận yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp nên HĐXX chấp nhận; đề nghị của người bào chữa cho bị cáo hưởng án treo không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[7.4] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo N1: Xét thấy, khi bị cáo phạm tội bị cáo hơn 17 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, bị cáo là người khởi xướng việc đi đánh nhau và hậu quả là gây thương tích cho các bị hại và gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; đồng thời là người rủ rê những người khác cùng tham gia; khi đánh nhau bị cáo cũng là người sử dụng nón bảo hiểm trực tiếp gây thương tích cho bị hại. Vì thế, Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo mức án cao hơn các bị cáo là người chưa thành niên khác trong vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định về người chưa thành niên phạm tội trong BLHS là bất lợi hơn cho bị cáo. Do đó cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 179, Điều 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo N1; HĐXX cũng xem xét nguyên nhân bị cáo N1 rủ rê những người khác đi đánh nhau, là do trước đó bị cáo đã bị xịt hơi cay vào mặt nên nóng giận và thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, để quyết định hình phạt cho bị cáo. Vì các lý do trên, HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo N1, nhưng không chấp nhận yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo. Đề nghị của VKS là phù hợp.

[7.5] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo K và bị cáo H: xét thấy, các bị cáo phạm tội khi vừa qua 16 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị các phạm tội do bị người khác rủ rê; khi tham gia đánh nhau các bị cáo không mang theo hung khí. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định về người chưa thành niên phạm tội trong BLHS đối với các bị cáo H và K mà không áp dụng các quy định của Luật tư pháp người chưa thành niên là chưa phù hợp, ảnh hưởng quyền lợi của các bị cáo. HĐXX xem xét

các bị cáo khi xét xử phúc thẩm vụ án vẫn chưa đủ 18 tuổi, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; nên không cần thiết phải cách lý các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo sự răn đe, phòng ngừa chung và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo K và bị cáo H; chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo. Đề nghị của KSV về việc giảm án cho các bị cáo là phù hợp.

[7.6] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Giang Công M; xét thấy: Bị cáo là đồng phạm trong vụ án, nhưng bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi gây thương tích cho các bị hại và cũng không tham gia truy đuổi, gây rối trật tự công cộng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Giang Công M đã chủ động bồi thường thêm cho bị hại M 5.000.000 đồng và bị hại M đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, HĐXX nhận thấy bị cáo Giang Công M đủ điều kiện để áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Giang Công M. Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên HĐXX chấp nhận

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận, buộc bị cáo N và bị cáo L phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; kháng cáo được chấp nhận, các bị cáo C, M, Đ, N1, H và K không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đỗ Phước N và Lưu Phước L;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1 và Nguyễn Út C;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Trần Huy H, Trần Văn K4 và Giang Công M.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: số 44/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 11 – An Giang về điều luật áp dụng và quyết định hình phạt.

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Phước N, Lưu Phước L, Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H phạm tội "*Cố ý gây thương tích*"và tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; bị cáo Giang Công M phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Phước N 03 (ba) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đỗ Phước N phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/11/2024).

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Lưu Phước L 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lưu Phước L phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (14/11/2024).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Út C 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Út C phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (16/11/2024)

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật Tư pháp người chưa thành niên:

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 01 (một) năm 2 (hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 (hai) năm 5 (năm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo Trần Hữu N1 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Hữu N1 phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 (hai) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên.

+ Xử phạt bị cáo Trần Minh K 01 (một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh K phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án (30/12/2025).

+ Xử phạt bị cáo Trần Huy H 01 (một) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Minh K phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 02 (hai) năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án (30/12/2025).

Giao bị cáo Trần Huy H cho UBND xã M, tỉnh Đồng Tháp và bị cáo Trần Minh K cho UBND xã C, tỉnh An Giang quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách; Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sựlần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. *(đã giải thích về chế định án treo cho các bị cáo)*

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Giang Công M 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (03/7/2025).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Phước N và Lưu Phước L mỗi người phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Út C, Huỳnh Văn Đ, Trần Hữu N1, Trần Minh K, Trần Huy H, Giang Công M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

***Nơi nhận*:**
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11, tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11, tỉnh An Giang;
- Phòng THA-DS khu vực 11, tỉnh An Giang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- UBND xã Cù Lao Giêng, tỉnh An Giang;
- UBND xã Mỹ An Hưng, tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ; Văn phòng; Toà GĐ&NCTN; Phòng GĐKT, TTr và THA TAND tỉnh AG.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Vũ